

Số: /KH-STNMT

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin; Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk, phiên bản 2.0;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Kế hoạch số 10717/KH-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 – 2025;
- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án “Xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”;
- Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2686/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Kế hoạch số 320/KH-STNMT ngày 04/2/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường Kế hoạch Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 – 2025;

- Kế hoạch 134/KH-UBND ngày 4/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Nghị quyết 95-NQ/ĐU ngày 20/9/2023 của Đảng ủy Sở Tài nguyên và Môi trường về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 189/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Sở Tài nguyên và Môi trường tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh chuyển đổi số theo hướng mang lại kết quả thực chất, bền vững, ưu tiên nguồn lực đầu tư để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược quốc gia về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số;

Tiếp tục triển khai xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý trong tất cả các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, trọng tâm là phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước; hình thành nền tảng cơ sở dữ liệu thống nhất về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; kết nối, cập nhật, tích hợp, chia sẻ thông tin về tài nguyên và môi trường của tỉnh với các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan. Xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình đủ điều kiện được cung cấp trên môi trường mạng.

Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt 60%.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 70% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (CBCCVC, NLĐ) được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% CBCCVC, NLĐ được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- Thực hiện cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh; năm 2024, đạt 70%, mục tiêu phấn đấu tỷ lệ cơ quan nhà nước thực hiện cung cấp dữ liệu mở.

- 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2. Bảo đảm an toàn thông tin

- 100% hệ thống Công nghệ thông tin được phê duyệt cấp độ và triển khai các phương án bảo vệ theo cấp độ

- 100% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.

- 100% cán bộ chuyên trách CNTT tại cơ quan (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc) được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin, xử lý ứng cứu sự cố an toàn mạng.

- 100% CBCCVC, NLĐ của cơ quan (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc) được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

Thường xuyên chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương và

của UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ của chuyển đổi số đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động, bằng các hình thức triển khai tại các cuộc họp giao ban cơ quan, cuộc họp cải cách hành chính và gửi các văn bản đến các đơn vị để quán triệt triển khai thực hiện.

Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”; “Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk” trên Zalo: Tuyên truyền, hướng dẫn đến từng CBCCVC, NLĐ, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên Zalo để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và kế hoạch của các cơ quan Trung ương và của UBND tỉnh, cụ thể hóa các nội dung nhiệm vụ và chỉ tiêu theo nghị quyết số 95-NQ/ĐU ngày 20/9/2023 của Đảng ủy Sở Tài nguyên và Môi trường về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Thể chế số

- Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, pháp luật nhà nước về công nghệ thông tin.

- Hoàn thiện và triển khai các giải pháp An ninh, An toàn (ANAT) theo hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với hệ thống hạ tầng các hệ thống thông tin thuộc Sở được phê duyệt.

- Tiếp tục hoàn thiện Xây dựng quy chế thực hiện đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan.

- Tiếp tục tiên phong trong việc tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai nền tảng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, trình UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên hệ thống Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Hoàn thành việc chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trên cơ sở sử dụng, xác thực, chia sẻ dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc sử dụng định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an thực hiện trên cổng Dịch vụ công Quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quy chế quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác, sử dụng và chia sẻ Cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục vận hành, duy trì hệ thống mạng nội bộ LAN, mạng diện rộng WAN hoạt động ổn định đảm bảo đáp ứng kết nối giữa các máy chủ và máy trạm.

Đồng thời xây dựng phương án nâng cấp mở rộng hệ thống mạng phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Phát triển hạ tầng kết nối Internet băng thông rộng, nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu, kết nối với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Sử dụng hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có để triển khai, vận hành, khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức lựa chọn thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Đắk Lắk.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, thay thế, đồng bộ máy tính, mạng nội bộ của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, duy trì có hiệu quả việc kết hợp giữa mạng Truyền số liệu chuyên dùng và mạng Internet, đảm bảo hạ tầng triển khai các ứng dụng CNTT.

4. Dữ liệu số

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cụ thể:

- + Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Cư Mgar
- + Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Krông Pắc
- + Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Krông Ana
- + Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Buôn Đôn
- + Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Ea Súp
- + Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Cư Kuin
- + Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thị xã Buôn Hồ
- + Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Buôn Ma Thuột

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Xây dựng dữ liệu Tài nguyên và Môi trường đối với 03 lĩnh vực dữ liệu về Khoáng sản, Tài nguyên nước và Môi trường.

- Tiếp tục duy trì, vận hành, quản lý, sử dụng hệ thống thông tin đất đai; hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục để thu nhận dữ liệu quan trắc.

- Hoàn thành kết nối chia sẻ CSDL đất đai với CSDL Quốc gia về dân cư của Thị xã Buôn Hồ, Huyện Cư Kuin.

- Ban hành Kế hoạch và danh mục cơ sở dữ liệu Tài nguyên và Môi trường; xây dựng lộ trình, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục.

- Ban hành kế hoạch hành động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

- Tăng cường xây dựng phát triển dịch vụ nội dung số về lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên các nền tảng khác nhau.

- Phối hợp phát triển làm giàu dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua việc thực

hiện TTHC về đất đai.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch phối hợp số 132/KHPH-TCTĐA06/CPTW-TCTĐA06/CPHT ngày 28/8/2023 của Tổ công tác triển khai Đ.A 06 Chính phủ và Tổ công tác triển khai Đ.A 06 tỉnh Đắk Lắk (Mô hình số 32).

5. Nền tảng số

- Tổ chức triển khai kế hoạch đấu thầu thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật CNTT phục vụ xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Đắk Lắk.

- Nghiên cứu, đề xuất triển khai kết nối, chia sẻ CSDL đất đai với CSDL công chứng – chứng thực của Sở Tư pháp;

- Triển khai thực hiện các ứng dụng, phần mềm dùng chung do UBND tỉnh và các Bộ, ngành trang bị;

- Chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu của ngành đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh;

- Tiếp tục phát triển, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của ngành từ các hệ thống đang vận hành tại Sở Tài nguyên và Môi trường trên hệ thống nền tảng, dịch vụ số dung chung của tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường và nền tảng quốc gia.

6. Nhân lực số

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định mới của nhà nước về CNTT cho CBCCVC, NLD của cơ quan để nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT.

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ chuyên trách CNTT về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin thông qua hình thức đào tạo, tập huấn.

- Tiếp tục tổ chức, triển khai lớp tập huấn chia sẻ, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin đất đai cho công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường; cán bộ địa chính các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

7. An toàn thông tin mạng

- Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin trên mạng theo quy định hồ sơ cấp độ được phê duyệt.

- Tham gia tập huấn, diễn tập về bảo đảm an toàn thông tin do các cơ quan ban ngành có liên quan tổ chức.

- Tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các CBCCVC, NLD.

8. Chính quyền số

- Tiếp tục duy trì, vận hành các phần mềm, hệ thống của ngành tài nguyên và môi trường đảm bảo đúng yêu cầu và cập nhật, nâng cấp theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk theo Khung kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0 của Việt Nam.

- Tiếp tục duy trì kết nối vận hành hệ thống Một cửa điện tử (iGate) để liên thông giải quyết thủ tục hành chính và các chương trình phát triển chính phủ điện tử do Văn phòng chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tiếp tục hoàn thiện và duy trì nâng cao hiệu quả Trang thông tin điện tử của Sở, duy trì cập nhật thường xuyên các tin bài liên quan đến lĩnh vực của ngành, của tỉnh nhằm đảm bảo hoạt động cung cấp thông tin theo quy định.

- Tiếp tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các TTHC thuộc lĩnh vực theo kế hoạch Nâng cao chỉ số cải cách hành chính và các chương trình kế hoạch của các cơ quan cấp trên

- Nâng cao số lượng, chất lượng giải quyết TTHC dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

9. Kinh tế số

- Tổ chức triển khai kế hoạch hành động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đắk Lắk.

- Tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Tuyên truyền, khuyến khích CBCCVN, NLD thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số đồng thời tuyên truyền và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng nền tảng chuyển đổi số.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan hỗ trợ, hướng dẫn và thông tin đến các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh về việc truy cập thông tin công bố trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử quốc gia.

10. Xã hội số

- Phối hợp, xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai toàn diện nhằm quản lý có hiệu quả lĩnh vực đất đai, tài nguyên và môi trường, xây dựng bản đồ số của tỉnh có tính mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các giải pháp thông minh trong quản trị, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường và cảnh báo sớm thiên tai.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu ngành đạt khối lượng và chất lượng cao từ nguồn chi ngân sách nhà nước.

- Nâng cấp trang thông tin điện tử, chất lượng dịch vụ số, ứng dụng công nghệ, giao diện hiện đại để nâng cao trải nghiệm người dùng về ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Ban chỉ đạo Chuyển đổi số phê duyệt chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cải cách hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo đạt mục tiêu đề ra; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Phòng, đơn vị trực thuộc trong việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, Chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn, trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành dịch vụ công trực tuyến.

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Phối hợp tham mưu, đề xuất hoàn thiện các quy chế quy định về an toàn, an ninh thông tin, chữ ký số; các cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng. Đồng thời, tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước nhằm nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin cho công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan và sự cần thiết và tính cấp thiết của Chính quyền số.

- Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; Ứng dụng CNTT gắn với cải cách hành chính, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

- Tăng cường các kênh truyền thông đa dạng hơn để dễ dàng tiếp cận, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính quyền số.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng của hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận một cửa của cấp huyện; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho CBCNVC, NLĐ trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ, giải đáp thắc mắc cho tổ chức, người dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến ngay tại Bộ phận Một cửa.

- Đăng ký và tổ chức tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ công nghệ thông tin của CBCNVC.

- Đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ theo Thông tư 12/2022/TT-BTTTT và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về Công nghệ thông tin – các kỹ thuật an toàn – yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ.

- Tiếp tục tham mưu đề xuất xây dựng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu nhằm quản lý toàn diện dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh.

- Phối hợp với doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng bưu chính công ích, mạng xã hội; các phần mềm ...

3. Thu hút nguồn lực CNTT

- Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT cho đội ngũ nòng cốt và cán bộ lãnh đạo. Đăng ký các khóa học trực tuyến do Bộ TTTT, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ chuyên trách CNTT và CBCCVC, NLĐ trong đơn vị.

- Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường hợp tác, nghiên cứu các công nghệ số và phát triển các nền tảng số, tạo ra các dịch vụ nội dung số về tài nguyên và môi trường phục vụ xã hội, phát triển kinh tế số và thu hút nhân lực vào phát triển kinh tế số.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu, làm chủ công nghệ mới. Từ đó, áp dụng công nghệ vào xây dựng các ứng dụng chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nội bộ cơ quan cũng như người dân, doanh nghiệp.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị, nâng cấp hạ tầng, đường truyền, kỹ thuật công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt nhu cầu chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng vị trí việc làm; Bố trí, tuyển dụng, luân chuyển nhân lực có trình độ năng lực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp tại Bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin.

4. Tăng cường hợp tác

Tổ chức thăm quan, học tập học hỏi kinh nghiệm, công nghệ, mô hình triển khai về chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện chuyển đổi số năm 2025 dự kiến là: 170.292.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu đồng*)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc về chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường

- Là đơn vị đầu mối, phối hợp với Văn phòng Sở, Tổ giúp việc chuyển đổi số của Sở đôn đốc các phòng, đơn vị trực thuộc và các đơn vị khác có liên quan tổ chức thực hiện và tham mưu tổng hợp, báo cáo việc thực các nhiệm vụ chuyển đổi số của Sở theo Kế hoạch.

- Tham mưu, hoàn thiện các văn bản quản lý đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng CNTT.

- Chủ trì tham mưu thực hiện các biện pháp để bảo vệ an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan; xây dựng, đề xuất cấp độ an toàn thông tin các hệ thống do Sở quản lý.

- Hướng dẫn các đơn vị thuộc cơ quan thực hiện hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử; chữ ký số; Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử, ...

- Tham gia vận hành trang thông tin điện tử của Sở, hệ thống mạng, hệ thống máy chủ, ứng dụng chuyên ngành ổn định liên tục.

3. Văn phòng Sở

- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, Tổ giúp việc chuyển đổi số của Sở theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc về chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường cho phù hợp với tình hình thực hiện nhiệm vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện thống kê, đánh giá hiệu quả việc sử dụng Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử, việc giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, định kỳ hàng tháng tham mưu tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc sử dụng chữ ký số của cơ quan trong việc gửi, nhận văn bản điện tử. Thực hiện trao đổi văn bản, xử lý hồ sơ công việc trên phần mềm quản lý văn bản iDesk và thư điện tử công vụ.

- Chủ trì đôn đốc các đơn vị trong cơ quan thực hiện hiệu quả các phần mềm sáng kiến cải tiến kỹ thuật của Sở.

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị rà soát cải tiến quy trình công việc, thủ tục và chuẩn hóa nghiệp vụ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO để triển khai ứng dụng CNTT hiệu quả.

4. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Tham mưu, đề xuất bố trí đủ nguồn kinh phí để đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

5. Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở

Các phòng, đơn vị thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể hóa, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của Sở.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong hoạt động tại đơn vị mình; cung cấp kịp thời các thông tin, hình ảnh các hoạt động chuyên môn của đơn vị để đăng trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Chủ động rà soát và phối hợp với Văn phòng Sở đề xuất TTHC thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình; tái cấu trúc quy trình thuộc lĩnh vực được giao, phụ trách đảm bảo thực hiện hoàn thành theo đúng Kế hoạch.

VII. NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án trọng tâm: theo phụ lục 01 kèm theo.

Nhiệm vụ thực hiện và theo dõi các chỉ số DTI: theo phụ lục 02 kèm theo.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Đề nghị các phòng, đơn vị trực thuộc Sở căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình tham mưu tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này; trong quá trình thực hiện kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc hoặc kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung gửi về Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường để tổng hợp, đề xuất Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở TT – TT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CNTTNTMT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Huân